

Bản án số: 17/2025/HS-ST

Ngày: 24/9/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Bùi Thị Lệ Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Bảy – Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh phường Hòa Hiệp
2. Bà Nguyễn Thị Phụng – Giáo viên Trường tiểu học và trung học cơ sở Lê Thánh Tôn

- ***Thư ký phiên tòa:*** bà Nguyễn Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** bà Phạm Ngọc Thị Hàn Ni - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2025/HSST ngày 16 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Mỹ C, sinh năm 2000; tại: tỉnh Phú Yên (nay là tỉnh Đắk Lắk); ĐKTT: thôn B, xã C, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1972 và bà Trương Thị G, sinh năm 1982; có chồng Lê Văn P, sinh năm 1996 và 02 con, lớn sinh năm 2021, nhỏ sinh năm 2024; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

* **Bị hại:** bà **Đặng Thị C**, sinh năm: 1954 (chết)

Trú tại: thôn T, xã T, tỉnh Khánh Hòa.

* **Người đại diện hợp pháp của bị hại Đặng Thị C:**

- Ông **Nguyễn Văn P**, sinh năm: 1974

Trú tại: thôn T, xã T, tỉnh Khánh Hòa.

- Ông **Phạm Tiến Đ**, sinh năm: 1988

- Bà **Phạm Thị H**, sinh năm: 1982

- Bà **Phạm Thị H1**, sinh năm: 1987

Đồng trú tại: thôn T, xã T, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

- Ông **Nguyễn Chí T**, sinh năm: 1972

- Bà **Trương Thị G**, sinh năm: 1982

Đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị G:

Ông **Nguyễn Chí T**, sinh năm: 1972

Đồng trú tại: khu phố P, phường Đ, tỉnh Đắk Lắk.

Có mặt.

- Ông **Lê Văn P**, sinh năm: 1996

Trú tại: thôn B, xã C, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 13/02/2025, Nguyễn Thị Mỹ C, không có giấy phép lái xe theo quy định, tự ý lấy xe mô tô biển số 78G1-514.XX (do ông Nguyễn Chí T, bà Trương Thị G là chủ sở hữu), chở chồng là ông Lê Văn P đi từ nhà ở xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (nay là phường Đ, tỉnh Đắk Lắk) đến khu vực ngã tư L thuộc khu phố H, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (nay là khu phố H, phường Đ, tỉnh Đắk Lắk) để ông P đón xe về Khánh Hòa. Sau đó C một mình điều khiển xe mô tô nói trên đi mua cháo cho con. Khoảng 08 giờ 22 phút cùng ngày, C điều khiển xe lưu hành theo hướng Bắc – Nam, khi đến đoạn đường NQ gần khu vực Trường tiểu học T thuộc khu phố B, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (nay là khu phố B, phường Đ, tỉnh Đắk Lắk), C điều khiển xe không chú ý quan sát, không giảm tốc độ nên tông vào bà Đặng Thị C đang đi bộ qua đường theo hướng Đông – Tây, làm làm bà C chết, C bị thương tích; xe mô tô bị hư hỏng.

Tại bản kết luận giám định tử thi số 31/KLGĐTT-PYPY ngày 26/02/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh Phú Yên kết luận: Nguyên nhân chết của bà Đặng Thị C do chấn thương sọ não rất nặng.

Tại bản kết luận giám định số 89/KLTTCT-PYPY ngày 20/3/2025 của Trung tâm Pháp y tỉnh Phú Yên kết luận: thương tích của Nguyễn Thị Mỹ C là 11%, do vật tày + vật có cạnh gây ra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐGTS ngày 24/02/2025 của Hội đồng định giá tài sản thị xã Đông Hòa kết luận: thiệt hại tài sản xe mô tô biển số 78G1-514.XX là 1.516.800 đồng.

* Về vật chứng vụ án: 01 xe mô tô biển số 78G1-514.XX, màu đen, loại xe: LEAD, nhãn hiệu: HONDA, số máy: JF89E00022XX, số khung: 7922KZ0002XX; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 78G1-514.XX và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự bắt buộc của chủ xe mô tô – xe gắn máy; đã trả lại cho ông Nguyễn Chí T, bà Trương Thị G.

* Về dân sự: bị cáo đã bồi thường 65.000.000 đồng, đại diện bị hại không có yêu cầu gì thêm và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại bản cáo trạng số: 03/CT-VKSKV12 ngày 16/7/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Mỹ C về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

* Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 đã truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo hưởng án treo.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, sau khi phân tích các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra cũng như diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ C từ 18 tháng đến 24 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: không ai có yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

- Về vật chứng vụ án: các vật chứng đã trả lại cho chủ sở hữu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo rất ăn năn, nhận thức được hành vi sai trái của bị cáo và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa đều phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, kết luận giám định tử thi, kết luận định giá tài sản, thời gian, địa điểm, nguyên nhân xảy ra tai nạn giao thông, cùng các tài liệu là chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; nên đủ cơ sở kết luận: Khoảng 08 giờ 22 phút ngày 13/02/2025, tại đường NQ, thuộc khu phố B, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (nay là khu phố B, phường Đ, tỉnh Đắk Lắk), Nguyễn Thị Mỹ C, không có giấy phép lái xe theo quy định, có hành vi điều khiển xe mô tô biển số 78G1-514.XX lưu hành hướng Bắc – Nam, không chú ý quan sát, không giảm tốc độ, nên tông vào bà Đặng Thị C đang đi bộ qua đường theo hướng Đông – Tây, làm làm bà C chết do chấn thương sọ não; gây thiệt hại về tài sản trị giá 1.516.800 đồng.

Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quy định về trật tự an toàn giao thông đường bộ, gây thiệt hại đến tính mạng và tài sản của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc điều khiển xe mô tô phải có giấy phép lái xe theo quy định và chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về trật tự an toàn giao thông đường bộ. Nhưng bị cáo coi thường pháp luật, bị cáo điều khiển xe mô tô khi không có giấy phép lái xe, không chú ý quan sát, không giảm tốc độ tại nơi mà người đi bộ đang qua đường, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9, điểm a khoản 3 Điều 12 Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ, là nguyên nhân dẫn đến gây tai nạn làm bị hại chết. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất mức độ phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm, cần thiết phải xử lý nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo

dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét đầy đủ các yếu tố nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để có mức hình phạt tương xứng, phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo theo quy định của pháp luật.

[3] Về nhân thân của bị cáo; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; quyết định hình phạt

Bị cáo không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại; bị cáo đang nuôi con nhỏ; được đại diện hợp pháp của bị hại xin miễn trách nhiệm hình sự; bị hại có một phần lỗi khi đi qua đường ở nơi không có biển báo hiệu giao thông, không có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ nhưng không chú ý quan sát khi có xe đang đi tới; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng cho bị cáo. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên có đủ điều kiện áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng cũng đủ để giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung, đồng thời để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo thành công dân tốt.

Hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về dân sự: đại diện bị hại đã nhận bồi thường 65.000.000 đồng; không yêu cầu gì thêm; ông T, bà G không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại tài sản đối với xe mô tô biển số 78G1-514.XX, nên không xét.

[5] Đối với ông Nguyễn Chí T, bà Trương Thị G là chủ sở hữu xe mô tô biển số 78G1-514.XX, nhưng không có thỏa thuận việc giao xe mô tô cho bị cáo điều khiển, nên không xem xét trách nhiệm.

[6] Đối với ông Lê Văn P biết bị cáo không có giấy phép lái xe mô tô theo quy định nhưng vẫn đồng ý để bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 78G1-514.XX chở đi; nhưng xe mô tô này không phải do ông P làm chủ sở hữu; ông P không yêu cầu, bắt buộc bị cáo điều khiển xe mô tô chở ông P đi; sau khi ông P xuống xe mô tô thì ông P không biết bị cáo điều khiển xe mô tô đi đâu, làm gì nên không xem xét trách nhiệm.

Đối với số tiền 65.000.000 đồng mà bị cáo bồi thường cho đại diện bị hại là tiền chung của ông P và bị cáo. Ông P không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này nên không xét.

[7] Về vật chứng

01 xe mô tô biển số 78G1-514.XX, màu đen, loại xe: LEAD, nhãn hiệu: HONDA, số máy: JF89E00022XX, số khung: 7922KZ0002XX; 01 giấy chứng

nhận đăng ký xe mô tô biển số 78G1-514.XX và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe mô tô – xe gắn máy. Những vật chứng trên là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và không liên quan hành vi phạm tội; Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về án phí: bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Áp dụng Điều 106; Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Mỹ C phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ C 1 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thị Mỹ C.

3. Về án phí: buộc bị cáo Nguyễn Thị Mỹ C phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 12;
- Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Thị hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Lệ Hiền